

Ngày 09/09/2026



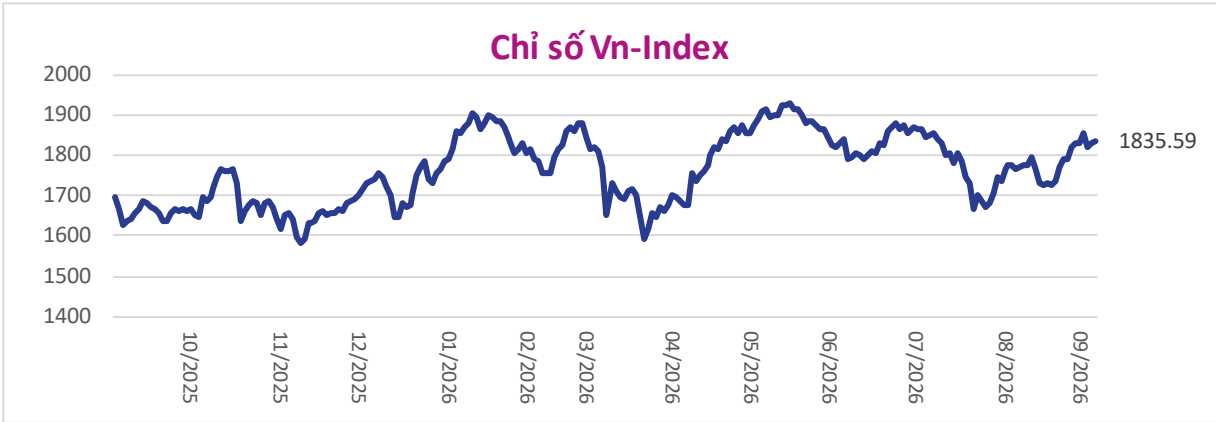
TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



Tổng quan thị trường

1835.59 5.15 0.28%

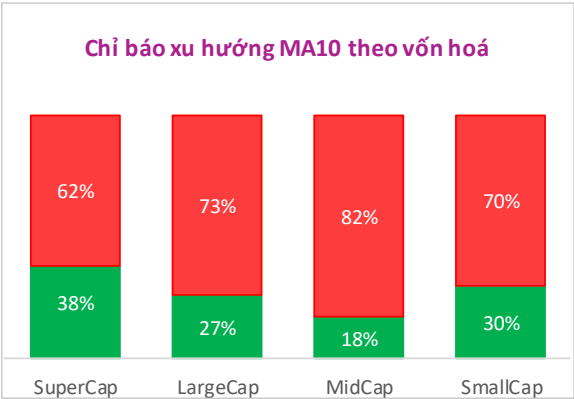


Phiên giao dịch sáng ngày 09/09/2026, chỉ số Vn-Index đang tăng nhẹ, tuy nhiên số lượng mã giảm đang chiếm ưu thế. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 5,15 điểm, và đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: TCB(+1,6%), GAS(+3,0%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV tiếp tục trong xu hướng tăng.

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -1.601 tỷ đồng. Và trong những ngày đầu tháng 9/2026, khối ngoại tiếp tục bán ròng -2.358 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -96.182 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang bán ròng -54 tỷ đồng.

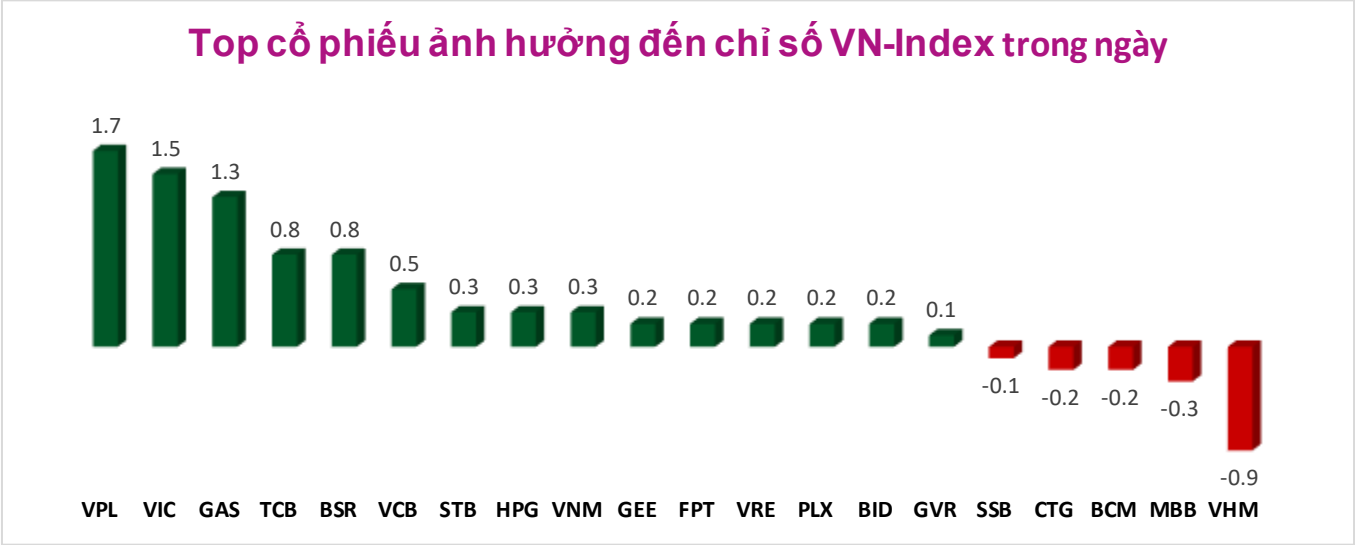
Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng ↓	Bất động sản ↓	Chứng khoán ↓
Thép ↓	Phân bón ↓	Công nghệ ↓
Dầu khí ↑	Khu CN	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓

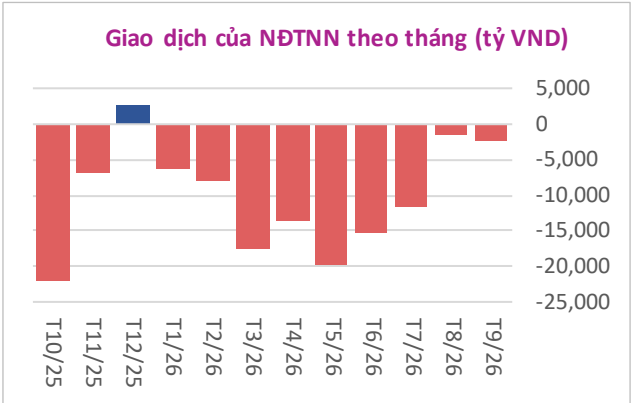
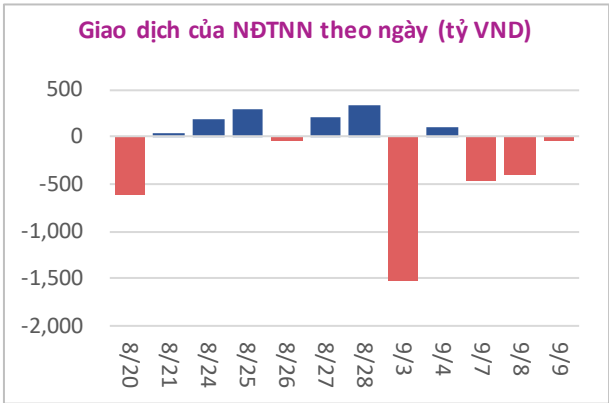


TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

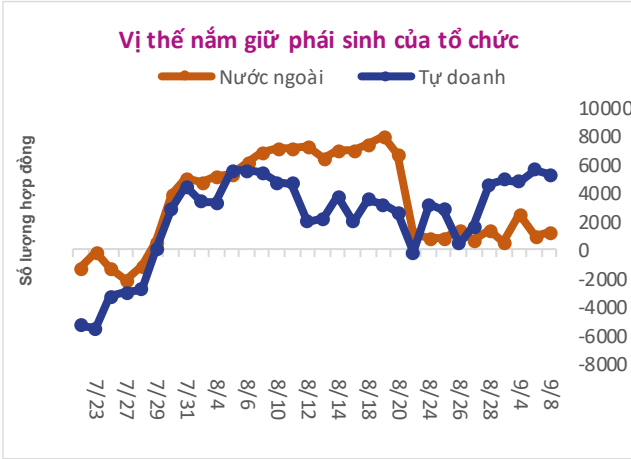
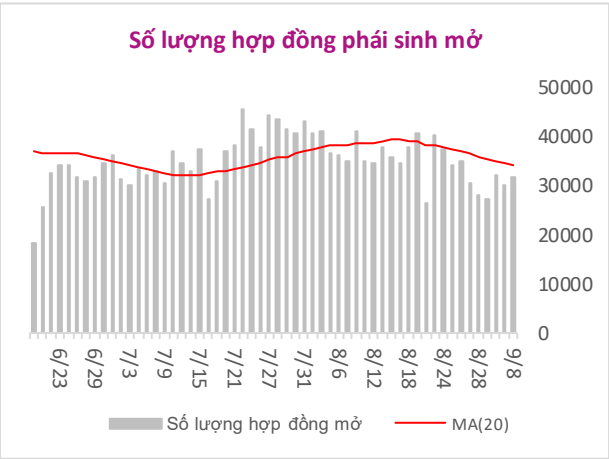
Nhóm dẫn dắt thị trường



Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



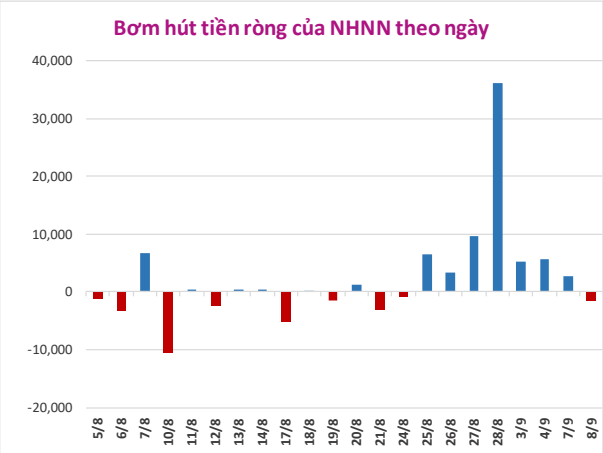
Thị trường phái sinh VN30



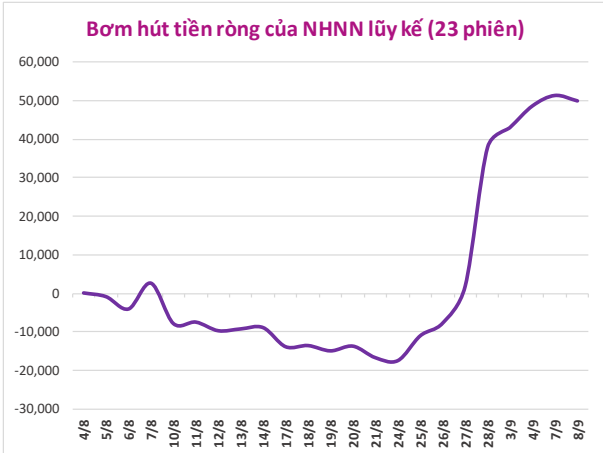
Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Bơm hút tiền ròng của NHNN theo ngày



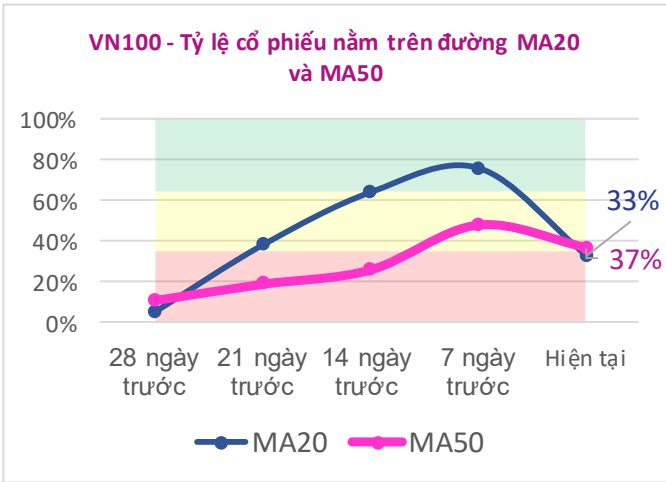
Bơm hút tiền ròng của NHNN lũy kế (23 phiên)



Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

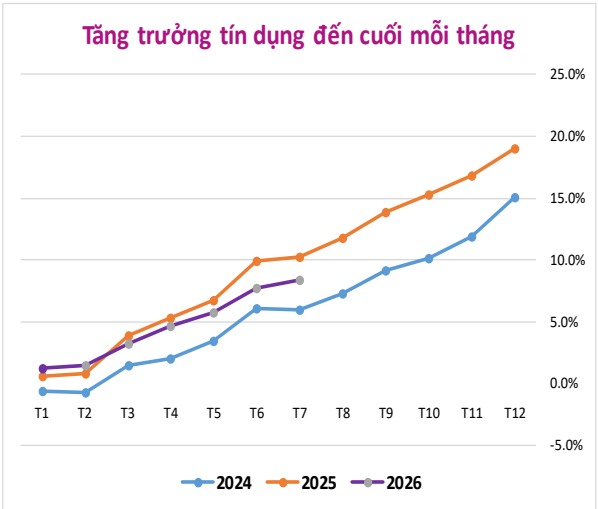
VIC (+18.0)	VPL (+11.7)	DGC (+4.5)	GAS (+3.4)	DCM (+2.6)
CTD (-2.0)	VCB (-2.1)	BCM (-2.1)	GEX (-2.1)	SJS (-2.2)
IMP (-2.2)	GEE (-3.0)	VTP (-3.2)	MWG (-3.7)	GMD (-4.0)
CTR (-4.0)	VPI (-4.1)	BMP (-5.1)	PNJ (-5.5)	FRT (-7.0)

Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

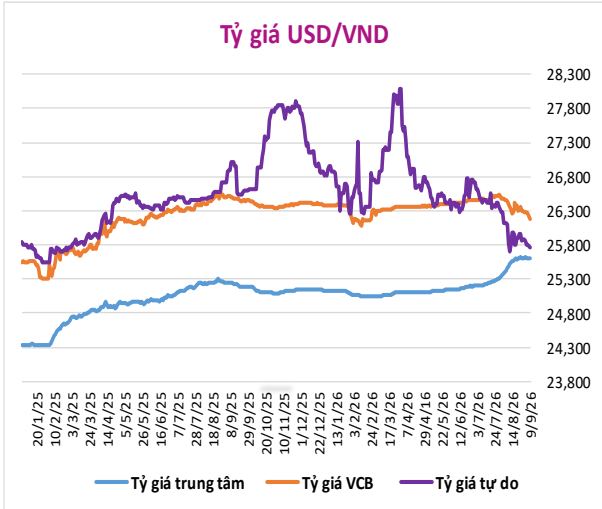


Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

Tăng trưởng tín dụng đến cuối mỗi tháng



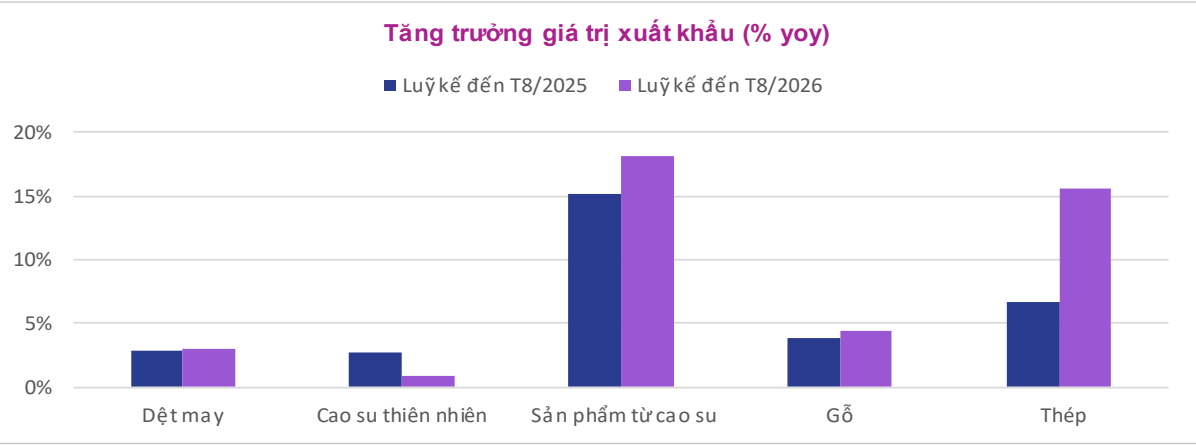
Tỷ giá USD/VND



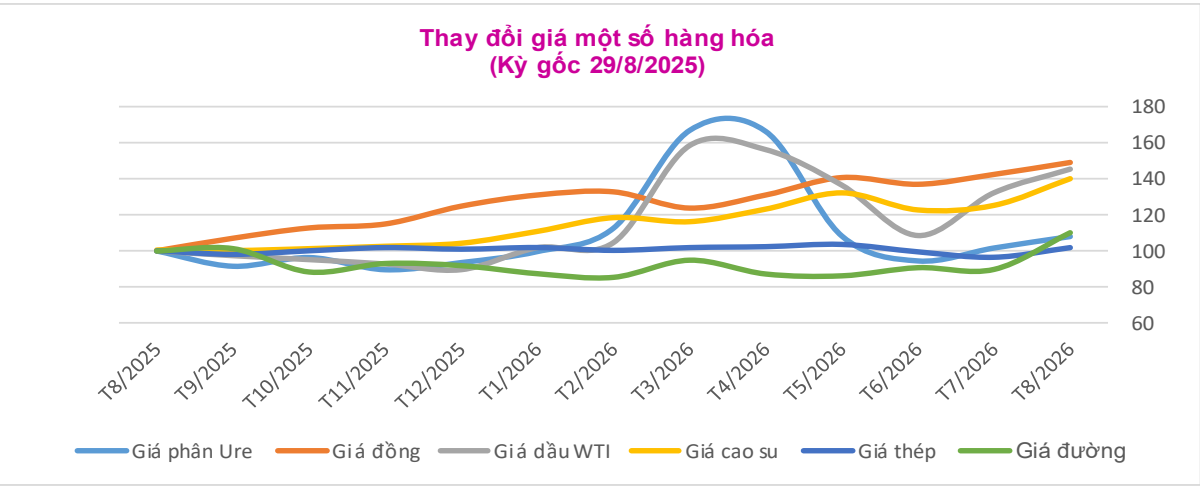
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	06/2026	07/2026	08/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	51.8	52.9	53.3	PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 8 đạt mức cao nhất của sáu tháng gần nhất
Sản xuất công nghiệp (YoY)	12.7%	14.5%	14.4%	Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	14.8%	14.5%	14.9%	Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 8 tiếp tục tăng trưởng trên 14%
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	28.1%	25.5%	26.3%	Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	45.7%	41.7%	38.4%	Duy trì tăng trưởng cao, nhưng nhập siêu tháng thứ chín liên tiếp
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	4.69%	4.45%	4.89%	Lạm phát tháng 8 vượt mốc báo động 4,5%, tiếp tục neo ở mức cao.
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.3%	0.1%	-0.83%	Tỷ giá VCB và giá USD tự do giảm, trong khi tỷ giá trung tâm lại tăng

Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá



ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

Fed có thể tăng lãi suất ngay trong tháng 9: Xác suất đã lên 57%, Phố Wall nín thở chờ 1 số liệu: Xác suất Fed tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 9 đã vọt lên mức 57% sau phát biểu cứng rắn của Chủ tịch Fed Kevin Warsh cùng báo cáo việc làm tháng 8 bùng nổ với 162.000 vị trí mới, cao gần gấp 3 lần dự kiến. Lợi suất trái phiếu kho bạc tăng cũng tiếp tục gây sức ép lên Phố Wall, khiến thị trường biến động mạnh. Hiện tại, giới đầu tư đang nín thở chờ đợi số liệu Chỉ số Giá Tiêu dùng (CPI) tháng 8 dự kiến công bố vào ngày 11/9. Thước đo lạm phát quan trọng này được xem là "phần quyết" cuối cùng, quyết định liệu Fed có nâng lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm hay tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ hiện hành. (Nguồn: cafeef.vn)



TIN QUỐC TẾ

Mức lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ có thể đe dọa các tài sản khác: Theo bài viết trên VnEconomy, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm đã chạm mốc 4,8% và có nguy cơ đe dọa các kênh tài sản khác nếu tiếp tục duy trì. Áp lực tăng bắt nguồn từ thâm hụt ngân sách, nợ công vượt 40 nghìn tỷ USD cùng lượng phát hành trái phiếu khổng lồ của chính phủ và doanh nghiệp. Nỗ lực can thiệp từ Bộ Tài chính Mỹ chưa mang lại hiệu quả khi giới đầu tư đòi hỏi phần bù rủi ro cao hơn. Nếu lợi suất vượt ngưỡng này bền vững, thị trường có thể định giá lại những tài sản phụ thuộc vào dòng tiền dài hạn như cổ phiếu định giá cao, bất động sản thương mại và trái phiếu siêu dài hạn. (Nguồn: vneconomy.vn)

Những nền kinh tế thịnh dư và thâm hụt thương mại lớn nhất thế giới: Theo dữ liệu WTO và IMF, cán cân thương mại năm 2025 ghi nhận sự phân hóa lớn. Trung Quốc dẫn đầu về thịnh dư tương đương 5,5% GDP, trong đó thịnh dư hàng hóa đạt kỷ lục 1,2 nghìn tỷ USD; kế tiếp là Đức (2,7% GDP) và Hàn Quốc (2,3% GDP) nhờ công nghiệp ô tô và bán dẫn. Nhóm các nước dầu khí cùng khu vực công nghệ như Đài Loan, Singapore cũng thịnh dư cao. Ở chiều ngược lại, Mỹ thâm hụt thương mại 3,2% GDP do nhập khẩu tới 3,5 nghìn tỷ USD, tiếp đến là Ấn Độ và Anh. Tuy vậy, thâm hụt không đồng nghĩa với nền kinh tế yếu kém mà chủ yếu phản ánh nhu cầu tiêu thụ, nhập khẩu vượt trội. (Nguồn: vneconomy.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ trải qua phiên giao dịch kém sắc khi cả ba chỉ số chủ chốt đồng loạt chìm trong sắc đỏ dưới áp lực bán chốt lời diện rộng. Đáng chú ý nhất, chỉ số Dow Jones dẫn đầu đà sụt giảm khi bốc hơi 628,18 điểm, tương đương mức giảm mạnh 1,18%, chính thức lùi về mốc 52.786,07 điểm. Cùng xu hướng tiêu cực, chỉ số S&P 500 cũng đánh mất 44,95 điểm (giảm 0,58%), lui về ngưỡng 7.673,65 điểm do tác động phân hóa giữa các nhóm ngành lớn. Trong khi đó, chỉ số Nasdaq ghi nhận mức điều chỉnh nhẹ hơn khi chỉ giảm 85,58 điểm (tương ứng 0,32%), dừng chân tại mức 26.421,41 điểm nhờ dòng tiền nâng đỡ ở một số cổ phiếu công nghệ. Nhìn chung, tâm lý thận trọng đang chiếm ưu thế lớn trên toàn thị trường Phố Wall. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Thị trường dầu mỏ thế giới duy trì đà tăng tích cực khi cả hai loại dầu tiêu chuẩn Brent và WTI đều neo ở vùng giá cao. Giá dầu Brent tiệm cận mốc 98 USD/thùng, trong khi dầu WTI vượt qua ngưỡng 94 USD/thùng nhờ căng thẳng địa chính trị gia tăng tại Trung Đông cùng lo ngại gián đoạn nguồn cung qua các tuyến hàng hải huyết mạch. Thêm vào đó, quyết định cắt giảm sản lượng của liên minh OPEC+ kết hợp kỳ vọng tiêu thụ hồi phục ở các nền kinh tế lớn tiếp tục củng cố đà tăng vững chắc. Dù vậy, rủi ro lạm phát kéo dài và lãi suất cao vẫn là yếu tố kìm hãm, khiến giới đầu tư luôn thận trọng theo dõi sát thị trường. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Thị trường vàng thế giới duy trì xu hướng giằng co quanh vùng 4.350-4.400 USD/ounce sau nhịp điều chỉnh kỹ thuật từ vùng đỉnh lịch sử. Nhu cầu mua ròng tích trữ bền bỉ của các ngân hàng trung ương cùng bất ổn địa chính trị toàn cầu tiếp tục tạo bệ đỡ vững chắc cho kim loại quý này. Tuy nhiên, sức ép từ đồng USD và tín hiệu thận trọng về lộ trình lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) khiến đà bứt phá ngắn hạn bị kìm hãm. Tại Việt Nam, giá vàng miếng SJC neo cao quanh mức 143,6-146,6 triệu đồng/lượng với biên độ mua bán nở rộng. Nhìn chung, tâm lý phòng ngừa rủi ro vẫn giúp kim loại quý giữ vững vị thế kênh trú ẩn. (Nguồn: VIX tổng hợp)

CHỈ SỐ	ĐIỂM	+/-	+/- (%)
Dow Jones	52786.07	-628.18	-1.18
S&P 500	7673.65	-44.95	-0.58
Nasdaq	26421.41	-85.58	-0.32
FTSE100	10811.66	-10.47	-0.10
Euro Stoxx 50	6413.15	9.16	0.14
DAX	26007.63	1.10	0.00
Nikkei 225	64953.00	-877.50	-1.33
Shanghai	3940.55	7.85	0.20
KOSPI	6954.52	-40.87	-0.58

TIN TRONG NƯỚC

Nợ vay của doanh nghiệp bất động sản phình to: Tổng nợ vay của doanh nghiệp bất động sản niêm yết cuối quý II/2026 đạt 360.240 tỷ đồng, tăng hơn 20% so với quý trước. Tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu tăng lên 0,72 lần, mức cao nhất trong 15 quý. Đáng chú ý, nợ dài hạn chiếm tới 67,3% tổng nợ nhằm phục vụ triển khai các dự án mới, dẫn đầu đã tăng là Vinhomes và Novaland. Song song đó, nhóm địa ốc cũng đẩy mạnh huy động qua trái phiếu với hơn 102.000 tỷ đồng trong quý II. Dù áp lực đáo hạn và lãi suất neo cao trên 11% tiềm ẩn rủi ro, sự phục hồi doanh số mở bán được kỳ vọng hỗ trợ tích cực cho dòng tiền thời gian tới. (Nguồn: vnexpress.net)

Nợ xấu ngân hàng: Vẫn còn những 'vùng xám': Nợ xấu tại 27 ngân hàng niêm yết đã tăng lên 2,01% trong quý II/2026, trong khi bộ đệm dự phòng bao nợ xấu tiếp tục mỏng dần. Tuy nhiên, bức tranh thực tế còn tiềm ẩn rủi ro từ những "vùng xám" kỹ thuật. Đáng chú ý, nghiệp vụ mua hân miễn truy đòi bộ chứng từ theo L/C tăng mạnh lên gần 158.000 tỷ đồng, được hạch toán ở mục "Tài sản có khác" giúp ngân hàng giải phóng room tín dụng và để trì hoãn phân loại nợ xấu. Ngoài ra, việc cơ cấu nợ cùng dư nợ cho vay hạ tầng dài hạn làm phình to lãi dự thu, tiềm ẩn nguy cơ trích lập dự phòng rất lớn khi các dự án gặp khó khăn. (Nguồn: vietnamfinance.vn)

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (09/9/26)		
			% LNST	% LNST	Biên lợi	Biên lợi	ROE Chỉ số	ROA Chỉ số	Book Value	EPS	P/B	P/E	
			Q1/26 (YoY)	Q2/26 (YoY)	ròng Q1/26	ròng Q2/26	(TTM) Năm: 2025 (TTM)	(TTM) Năm: 2026 (TTM)					
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.21	7.3	22,300
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.25	4.4	16,500
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.58	6.7	47,000
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.47	8.4	36,300
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.00	9.4	140,700
6	BSR	Dầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.29	26.7	27,700
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.68	8.1	61,200
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.33	6.8	30,650
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.08	14.1	73,800
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	1.62	8.9	32,950
11	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.64	16.5	41,450
12	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.61	7.2	51,900
13	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	4.11	13.2	62,500
14	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.83	11.0	72,800
15	GAS	Dầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	3.10	18.1	86,900
16	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.81	5.6	12,700
17	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.19	14.78	76,300
18	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.24	7.89	13,900
19	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	0.72	6.38	16,400
20	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.40	7.27	9,910
21	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.29	10.88	22,000
22	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	0.91	16.99	12,200
23	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	0.95	11.42	27,000
24	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	0.91	11.85	17,250
25	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.54	9.77	7,060
26	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	8.16	22.51	142,600
27	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	1.77	14.90	27,100
28	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.55	5.12	30,500
29	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.32	15.47	68,800
30	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	4.34	4684.49	48,100
31	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.19	14.96	72,000
32	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.20	22.57	48,300
33	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.82	12.82	25,000
34	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.22	5.26	20,650
35	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	2.08	8.85	51,400
36	PLX	Dầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.60	15.79	36,400
37	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	0.97	12.61	12,850
38	PVS	Dầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.22	10.42	38,800
39	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.68	9.31	48,700
40	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.64	26.44	22,900
41	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.79	4.51	11,750
42	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.03	7.81	49,200
43	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.42	24.38	76,800
44	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.28	8.86	32,450
45	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	0.77	6.90	16,700
46	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.22	9.79	84,900
47	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.14	13.86	58,400
48	VGX	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.56	4.24	11,300
49	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.17	8.07	52,200
50	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	2.99	34.99	125,600
51	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.73	13.68	61,600
52	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.20	8.91	27,350
53	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	3.51	15.20	50,900

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Cập nhật giá hàng hoá

Chỉ số	Giá	+/- 15 ngày	+/- 30 ngày	+/- Định 1 tháng	+/- Đáy 1 tháng
BTC	78754.87(-527)	+15,779	+14,656	-2,225	+15,941
Giá dầu WTI	93.03(+1)	+11	+3	0	+18
Giá gas châu Âu	77.51(+4)	+15	+19	0	+24
Giá vàng	4355.8(-49)	-20	+304	-302	+327
Giá đồng	6.74(+0)	+0	+0	0	+0
Giá đường	18.08(+0)	+1	+3	-1	+4
Giá phân Ure	446.25(+3)	+56	-5	-5	+63
Giá thép	3123(+4)	+105	+49	-8	+170
Giá quặng sắt (62%Fe)	100.02(+0)	+5	+2	0	+6
Giá than	147.6(-0)	+18	+17	-1	+20
Giá đậu tương	1302.5(+9)	+125	+56	-4	+155
Giá ngô	511(+1)	+52	+47	-8	+74
Giá nhựa Polyvinyl	5036(-21)	+511	+392	-21	+589
Giá cước vận tải khô BDI	3584(+9)	+721	+841	-44	+952
Giá cước vận tải container (Drewry)	4465(0)	+126	+91	-61	+210
DXY	98.78(-0)	-1	-3	-3	0
Giá cao su	241.9(+8)	+21	+23	0	+31
Phốt pho vàng	27996(0)	0	+1,167	-470	+1,167
Ure(Sunsir)	1822.5(+23)	+118	+55	0	+120
H2SO4	1820(0)	-50	-273	-273	+20
HRC(Sunsir)	3394(+14)	+126	+98	0	+174
Iron Ore (Sunsir)	726.33(+1)	+22	+16	0	+47
Cao su thiên nhiên (Sunsir)	18741.67(+258)	+1,800	+1,950	0	+2,350
PVC(Sunsir)	4965(+100)	+544	+445	0	+590
Rebar	3159.66(+3)	+138	+92	-5	+157
Cautic soda	637(0)	-2	-6	-6	0

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.